

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tầng 7 - Toà nhà Citilight - 45 Võ Thị Sáu - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 ngày 05/01/2008, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 07/09/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch
Ông Trần Hoài Nam	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Kính	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2011 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban giám đốc

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kính	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Văn Mạnh

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Số: 69/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu lập ngày 16/01/2012 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác kiểm toán của chúng tôi

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Nguyễn Anh Tuấn**
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		229.505.064.091	293.739.919.892
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.979.004.295	83.014.158.739
1. Tiền	111	5.1	2.979.004.295	83.014.158.739
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		83.696.000.000	49.880.418.660
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	83.696.000.000	49.880.418.660
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.218.280.192	102.540.384.274
1. Phải thu khách hàng	131		57.967.075.539	44.542.066.219
2. Trả trước cho người bán	132		40.179.921.588	34.212.526.805
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	7.071.283.065	23.785.791.250
IV. Hàng tồn kho	140		37.184.805.604	51.394.024.827
1. Hàng tồn kho	141	5.4	37.184.805.604	51.394.024.827
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		426.974.000	6.910.933.392
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	909.898.730
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.818.151.542
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	426.974.000	182.883.120
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.575.839.161	6.125.438.803
I. Tài sản cố định	220		4.246.360.158	3.107.430.634
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	4.246.360.158	3.047.083.343
<i>Nguyên giá</i>	222		6.867.815.322	4.626.226.231
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.621.455.164)	(1.579.142.888)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	60.347.291
<i>Nguyên giá</i>	228		204.992.914	204.992.914
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(204.992.914)	(144.645.623)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		41.200.000.000	2.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	2.500.000.000	2.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	41.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.300.000.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		129.479.003	518.008.169
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	116.479.003	505.008.169
2. Tài sản dài hạn khác	268		13.000.000	13.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		275.080.903.252	299.865.358.695

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		186.412.070.234	221.406.706.661
I. Nợ ngắn hạn	310		180.913.540.748	220.869.571.161
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	-	20.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		118.571.080.254	178.311.003.357
3. Người mua trả tiền trước	313		10.897.241.765	8.929.137.764
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	10.934.293.706	4.437.950.943
5. Phải trả người lao động	315		5.814.621.277	5.083.038.624
6. Chi phí phải trả	316	5.13	28.510.446.028	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	1.812.249.235	253.218.238
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.373.608.483	3.855.222.235
II. Nợ dài hạn	330		5.498.529.486	537.135.500
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		13.293.500	17.343.500
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.15	5.485.235.986	519.792.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.668.833.018	78.458.652.034
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	88.668.833.018	78.458.652.034
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(627.153.704)	(488.672.631)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.162.001.709	13.769.096.936
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.007.115.958	2.941.631.830
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.126.869.055	12.236.595.899
TỔNG NGUỒN VỐN	440		275.080.903.252	299.865.358.695

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
1. Ngoại tệ các loại	USD	83.436	1.472.922
	EUR	403	82.408



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	741.146.349.196	295.150.334.301
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		741.146.349.196	295.150.334.301
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	674.958.585.650	241.289.751.041
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.187.763.546	53.860.583.260
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	11.225.602.998	10.372.451.242
7. Chi phí tài chính	22	5.19	5.101.368.869	3.456.470.503
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		769.724.687	72.295.690
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	21.879.523.932	20.340.721.114
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	22.339.279.315	13.548.563.282
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.093.194.428	26.887.279.603
11. Thu nhập khác	31	5.22	830.685.922	1.102.889.109
12. Chi phí khác	32		366.310.465	65.963.563
13. Lợi nhuận khác	40		464.375.457	1.036.925.546
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.557.569.885	27.924.205.149
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.23	7.247.887.312	6.982.437.099
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.309.682.573	20.941.768.050
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	4.262	4.188



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.557.569.885	27.924.205.149
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.102.659.567	849.627.224
Các khoản dự phòng	03	2.300.000.000	-
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.225.602.998)	(9.421.586.501)
Chi phí lãi vay	06	769.724.687	72.295.690
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	21.504.351.141	19.424.541.562
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(14.103.835.256)	(74.498.047.325)
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	14.209.219.223	(17.674.870.279)
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(20.415.506.298)	35.799.663.449
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	1.298.427.896	(804.787.590)
Tiền lãi vay đã trả	13	(769.724.687)	(72.295.690)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.260.326.334)	(7.300.818.744)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.853.400.268)	(3.247.415.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.390.794.583)	(48.374.030.219)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.301.936.382)	(1.866.168.252)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.309.929.143.268)	(1.102.757.218.660)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24	1.276.113.561.928	1.157.611.900.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(24.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.225.602.998	9.421.586.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(48.891.914.724)	64.910.099.589
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	42.230.188.581	35.089.037.143
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(62.230.188.581)	(15.783.422.916)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.699.084.000)	(6.457.291.954)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.699.084.000)	12.848.322.273
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(79.981.793.307)	29.384.391.643
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	83.014.158.739	54.177.528.110
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(53.361.137)	(547.761.014)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.979.004.295	83.014.158.739



Trần Văn Mạnh
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Nguyễn Ngọc Anh
 Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Yến
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 ngày 05/1/2008, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 07/09/2011.

Tên tiếng Anh: Petroleum Trading Joint Stock Company

Tên viết tắt: Petechim JSC

Trụ sở Công ty: Tầng 7 - Toà nhà Citilight - 45 Võ Thị Sáu - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh lần 8 là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, nông lâm sản, gia súc, gia cầm (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), lương thực, thực phẩm, thuốc lá điều sản xuất trong nước, thuốc lá;
- Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế;
- Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan; Môi giới hàng hải;
- Dịch vụ đóng mới, sửa chữa máy móc tàu thuyền, giàn khoan và phương tiện nổi (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở; không thiết kế phương tiện vận tải);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Kinh doanh vận tải biển; Đại lý vận tải biển;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, thiết kế Công trình, giám sát thi công); Tư vấn đầu thầu, quản lý dự án, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Sản xuất, mua bán phương tiện vận tải, hàng điện tử, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm, bia, rượu, nước giải khát (không kinh doanh ăn uống tại trụ sở);
- Hàng may mặc, giày dép, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ, gôm, sứ, vật liệu xây dựng (không tủy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may đan; không gia công cơ khí, sản xuất gốm, sứ thủy tinh, rượu, bia, nước giải khát tại trụ sở);
- Khai thác và mua bán khoáng sản (không khai thác tại trụ sở); Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện;
- Kinh doanh du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ lưu trú: khách sạn - nhà hàng ăn uống (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lập trình máy vi tính, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ Công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)/.

Hoạt động chính trong năm 2011 của Công ty là: Thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí./.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành, và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phân vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tuy nhiên trong trường hợp nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán và phân bổ vào Báo cáo Kết quả kinh doanh trong vòng năm (5) năm tiếp theo.

Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định về việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tài sản, công nợ có gốc ngoại tệ có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm các khoản công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 676.136.964 đồng được để lại số dư trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Nếu Công ty vẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) thì khoản chênh lệch tỷ giá này sẽ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, dẫn đến Chi phí tài chính tăng lên và lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi một khoản tương đương.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	04

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán Công ty đang sử dụng. Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 3 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Đại hội cổ đông của Công ty thông qua và có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	241.070.786	270.152.726
Tiền gửi Ngân hàng	2.737.933.509	82.744.006.013
Tổng	2.979.004.295	83.014.158.739

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	83.696.000.000	32.880.418.660
Tổng	83.696.000.000	32.880.418.660

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng trong nước.

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro CGGVERITAS AS SERVICES (SINGAPORE) PTE LTD	548.379.623	23.479.516.793
Công ty TNHH Likpin International	5.259.185.804	-
Chi cục Hải quan CK sân bay Tân Sơn Nhất	10.848.978	10.848.978
Phải thu khác	1.252.868.660	3.416.662
Tổng	7.071.283.065	23.785.791.250

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.184.805.604	51.394.024.827
<i>Phòng Thương mại 1</i>	7.292.715.920	12.678.716.151
<i>Phòng Thương mại 2</i>	8.435.017.641	425.758.641
<i>Dự án Nam Rồng Đồi Mồi</i>	13.016.560.711	13.016.560.711
<i>Phòng Thương mại 3</i>	-	25.272.989.324
<i>Dự án Kho xăng dầu Cù Lao Tào</i>	8.440.511.332	-
Tổng	37.184.805.604	51.394.024.827

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	426.974.000	182.883.120
Tổng	426.974.000	182.883.120

Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên đi công tác từ ngày 16/12/2011 đến ngày 01/01/2012

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Năm 2011	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
				Tài sản cố định khác	Tổng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại ngày 01/01	32.188.800	3.128.070.468	1.362.352.215	103.614.748	4.626.226.231
Tăng trong năm	-	1.915.300.000	326.289.091	-	2.241.589.091
<i>Mua trong năm</i>	-	1.915.300.000	326.289.091	-	2.241.589.091
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý</i>	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	32.188.800	5.043.370.468	1.688.641.306	103.614.748	6.867.815.322
<u>Hao mòn lũy kế</u>					
Tại ngày 01/01	11.802.560	692.958.324	825.442.474	48.939.530	1.579.142.888
Tăng trong năm	6.437.760	601.149.255	409.796.581	24.928.680	1.042.312.276
<i>Do trích khấu hao</i>	6.437.760	601.149.255	409.796.581	24.928.680	1.042.312.276
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	18.240.320	1.294.107.579	1.235.239.055	73.868.210	2.621.455.164
<u>Giá trị còn lại</u>					
Tại ngày 01/01	20.386.240	2.435.112.144	536.909.741	54.675.218	3.047.083.343
Tại ngày 31/12	13.948.480	3.749.262.889	453.402.251	29.746.538	4.246.360.158

Ghi chú: Tài sản cố định hữu hình khác: Máy chấm công.

5.7 Tài sản cố định vô hình

Là giá trị phần mềm kế toán Công ty đang sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí Petechim với 250.000 cổ phần tương ứng với 25 % vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí được thành lập tại khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa với chức năng đầu tư cơ sở hạ tầng để cung cấp dịch vụ hậu cần cho khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa.

5.9 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty CP Xăng dầu Dầu Khí Sài Gòn (a)	11.000.000.000	-
Công ty CP Sản xuất và Chế biến Dầu Khí Phú Mỹ (b)	10.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Trang trí Nội thất ADC (c)	17.000.000.000	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu Khí PVOil Miền Trung (d)	3.000.000.000	-
Tổng	41.000.000.000	-

- (a) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn với 1.100.000 cổ phần tương ứng với 5,5 % vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn được thành lập tại thành phố Hồ Chí Minh với chức năng kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ.
- (b) Đầu tư vào Công ty Cổ phần sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ với 1.000.000 cổ phần tương ứng với 2 % vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ được thành lập tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với chức năng kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan.
- (c) Khoản mua lại 1.000.000 cổ phiếu của công ty xây dựng trang trí kiến trúc ADC, chiếm 7,14% vốn điều lệ.
- (d) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung với 700.000 cổ phần tương ứng với 5 % vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung được thành lập tại tỉnh Quảng Ngãi với chức năng kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan.

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hữu ích trên 1 năm.

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (Oceanbank)	-	20.000.000.000
Tổng	-	20.000.000.000

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.475.369.543	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.188.374.368	4.200.813.390
Thuế thu nhập cá nhân	270.549.795	71.831.659
Các loại thuế khác	-	165.305.894
Tổng	10.934.293.706	4.437.950.943

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Chi phí phải trả

Hợp đồng cung cấp thiết bị lưu trữ (Gói 3) :	5.321.562.210 đồng
Hợp đồng nâng cấp máy chủ Sun T - 32 (Gói 1) :	3.951.602.000 đồng
Hợp đồng Nâng cấp 25 Licenses (EAM):	1.708.000.000 đồng
Hợp đồng cung cấp dầu PVEP:	17.529.281.818 đồng

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	343.136.877	204.677.549
Bảo hiểm xã hội, y tế	3.996.708	29.801.243
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.841.390
Phải trả đối tượng khác	1.465.115.650	16.898.056
Tổng	1.812.249.235	253.218.238

5.15 Doanh thu chưa thực hiện

Các hợp đồng cung cấp lắp đặt thiết bị được tính doanh thu cho các năm tiếp theo.

5.16 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2010	50.000.000.000	(881.849.625)	5.337.167.914	1.464.663.707	12.475.621.138	68.395.603.134
Tăng trong năm	-	881.849.625	8.431.929.022	1.476.968.123	20.941.768.050	31.732.514.820
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	20.941.768.050	20.941.768.050
Trích quỹ	-	-	8.431.929.022	1.476.968.123	-	9.908.897.145
Hoàn nhập tỷ giá	-	881.849.625	-	-	-	881.849.625
Giảm trong năm	-	488.672.631	-	-	21.180.793.289	21.669.465.920
Cổ tức	-	-	-	-	6.448.322.954	6.448.322.954
Trích quỹ	-	-	-	-	14.097.250.755	14.097.250.755
Đánh giá tỷ giá	-	488.672.631	-	-	-	488.672.631
Giảm khác	-	-	-	-	635.219.580	635.219.580
Tại ngày 31/12/2010	50.000.000.000	(488.672.631)	13.769.096.936	2.941.631.830	12.236.595.899	78.458.652.034
Tại ngày 01/01/2011	50.000.000.000	(488.672.631)	13.769.096.936	2.941.631.830	12.236.595.899	78.458.652.034
Tăng trong năm	-	488.672.631	6.392.904.773	1.065.484.128	21.309.682.573	29.256.744.105
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	21.309.682.573	21.309.682.573
Trích quỹ	-	-	6.392.904.773	1.065.484.128	-	7.458.388.901
Hoàn nhập đánh giá tỷ giá	-	488.672.631	-	-	-	488.672.631
Giảm trong năm	-	627.153.704	-	-	18.419.409.417	19.046.563.121
Chia cổ tức	-	-	-	-	6.699.084.000	6.699.084.000
Trích quỹ	-	-	-	-	11.720.325.417	11.720.325.417
Đánh giá tỷ giá	-	627.153.704	-	-	-	627.153.704
Tại ngày 31/12/2011	50.000.000.000	(627.153.704)	20.162.001.709	4.007.115.958	15.126.869.055	88.668.833.018

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận ĐKKD lần thứ 8 ngày 07/09/2011			Vốn góp thực tế đến 31/12/2011		
	Cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
		(VND)	(%)		(VND)	(%)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.450.000	14.500.000.000	29,00	1.450.000	14.500.000.000	29,00
Công ty TNHH TVĐT & TM Nhật Việt	337.000	3.370.000.000	6,74	337.000	3.370.000.000	6,74
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	250.000	2.500.000.000	5,00	250.000	2.500.000.000	5,00
Các cổ đông khác	2.963.000	29.630.000.000	59,26	2.963.000	29.630.000.000	59,26
Tổng	5.000.000	50.000.000.000	100,00	5.000.000	50.000.000.000	100,00
				31/12/2011	01/01/2011	
				VND	VND	
Vốn góp của Nhà nước				14.500.000.000	14.500.000.000	
Vốn góp của cổ đông khác				35.500.000.000	35.500.000.000	
Tổng				50.000.000.000	50.000.000.000	

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	-	-
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	50.000.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP):</i>	10.000	10.000

5.17 Doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	741.146.349.196	295.150.334.301
Tổng	741.146.349.196	295.150.334.301

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	674.958.585.650	241.289.751.041
Tổng	674.958.585.650	241.289.751.041

5.19 Doanh thu/ chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.971.234.068	9.421.586.501
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.254.368.930	950.606.914
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	257.827
Tổng	11.225.602.998	10.372.451.242
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	769.724.687	72.295.690
Chênh lệch tỷ giá	2.031.644.182	3.384.174.813
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.300.000.000	-
Tổng	5.101.368.869	3.456.470.503
Lãi(Lỗ) từ hoạt động tài chính	6.124.234.129	6.915.980.739

5.20 Chi phí bán hàng

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.612.771.759	11.890.131.107
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	70.749.441	44.550.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.152.000	803.413.016
Chi phí khác bằng tiền	8.176.850.732	7.602.626.256
Tổng	21.879.523.932	20.340.721.114

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.279.369.049	5.068.639.231
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	968.319.114	462.927.273
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.102.659.567	864.822.800
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.511.529.960	2.947.073.034
Chi phí khác bằng tiền	8.474.401.625	4.202.100.944
Tổng	22.339.279.315	13.548.563.282

5.22 Thu nhập/ chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập khác	830.685.922	1.102.889.109
Các khoản khác	830.685.922	1.102.889.109
Tổng	830.685.922	1.102.889.109
Chi phí khác	366.310.465	65.963.563
Gía trị còn lại tài sản thanh lý, chi phí bồi thường	366.310.465	65.963.563
Lãi(Lỗ) từ hoạt động khác	464.375.457	1.036.925.546

5.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.557.569.885	27.924.205.149
Các khoản điều chỉnh tăng	433.979.361	5.543.245
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế	28.991.549.246	27.929.748.394
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	7.247.887.312	6.982.437.099
Chi phí thuế TNDN được giảm	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.247.887.312	6.982.437.099

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.309.682.573	20.941.768.050
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.309.682.573	20.941.768.050
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	4.262	4.188

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	31/12/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	680.867.895.950
Chi phí nhân công	22.892.140.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.102.659.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.530.681.960
Chi phí khác bằng tiền	14.647.787.596
Tổng	722.041.165.881

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch và số dư với các bên liên quan

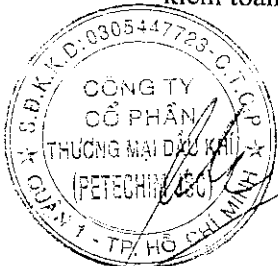
	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	35.430.193.100	-
Công ty TNHH TV ĐT và TM Nhật Việt	4.983.615.252	2.362.941.900
Giao dịch bán và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	46.342.286.891	64.579.855.729
Số dư các bên liên quan	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	7.713.687.701	13.219.638.654
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	-	71.979.458.911
Các khoản ứng trước		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và TM Nhật Việt	-	2.362.941.900

6.2 Thu nhập của Ban Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2011
Ban Giám đốc	Tiền lương và thưởng	2.217.996.000 đồng

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.



Trần Văn Mạnh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập